

Tên:

Lớp: S7...

Ngày giao bài: Thứ, ngày/.....

Ngày nộp bài: Thứ, ngày/.....



Week: 6

Ngữ pháp HW:

Nghe HW:

UNIT 2: GRAMMAR REVISION & PET LISTENING PART 3

A. THEORY

I. GRAMMAR: NON-DEFINING RELATIVE CLAUSES (Mệnh đề quan hệ không xác định)

Mệnh đề quan hệ không xác định (Non-defining Relative clauses) là một mệnh đề phụ đứng sau danh từ, được sử dụng để bổ sung thông tin phụ cho danh từ đã được xác định rõ ràng. Khi bỏ mệnh đề này đi, mệnh đề chính vẫn đủ nghĩa và người đọc vẫn hiểu rõ đối tượng đang được nói đến là ai/cái gì.

Nội dung	WHO	WHICH	WHOSE
Dùng để nói về	Người	Vật / Con vật	Sự sở hữu
Công thức	Đại từ quan hệ thay thế cho S		
	Person, + who + V..., ...	Thing, + which + V..., ...	Noun, + whose + noun + ..., ...
	Đại từ quan hệ thay thế cho O		
	Person, + who/whom + S + V..., ...	Thing, + which + S + V..., ...	-
Ví dụ	Mr. David, who teaches us English, is very friendly. Mr. Roberts, who all the students like very much, is our new English teacher.	London, which is the capital of the UK, has many famous museums. The new iPhone 17, which my father bought yesterday, is very expensive.	Sarah, whose mother is a doctor, won the competition. Lucy, whose father I met yesterday, lives next door.
Cách nối câu bằng MĐQH	Mr Brown is our new teacher. Mr Brown comes from Canada. → Mr Brown, who comes from Canada, is our new teacher.	This phone is very expensive. I bought it in Japan. → This phone, which I bought in Japan, is very expensive.	Lucy lives next door. Her father is a pilot. → Lucy, whose father is a pilot, lives next door.
Lưu ý	- KHÔNG được sử dụng THAT để thay thế cho who, whom, which. - KHÔNG được lược bỏ đại từ quan hệ (who, whom, which) dù đóng vai trò là tân ngữ (O).		

So sánh Mệnh đề quan hệ không xác định và Mệnh đề quan hệ xác định (Non-defining Relative clauses vs Defining Relative clauses)

	Mệnh đề quan hệ không xác định	Mệnh đề quan hệ xác định
Chức năng	Thông tin bổ sung. Bỏ đi → câu vẫn đủ nghĩa.	Thông tin cần thiết để xác định người/vật. Bỏ đi → câu không rõ nghĩa.
Dấu hiệu	Có dấu phẩy ngăn cách mệnh đề.	Không có dấu phẩy.
Ví dụ	Anna, who is wearing glasses, is my sister.	The girl who is wearing glasses is my sister.

II. EXTRA VOCABULARY

Con truy cập link hoặc quét mã QR để nghe và đọc lại từ vựng nhé:

<https://on.soundcloud.com/0XnpWIXQgkIv3wyVn7>



No.	New words	Meanings	No.	New words	Meanings
1	sign up (for sth) (phr)	đăng ký tham gia	4	keep an eye on (phr)	theo dõi, quan sát, coi sóc kỹ lưỡng
2	individual needs (phr)	nhu cầu cá nhân	5	assess (v)	đánh giá, kiểm tra
3	personal trainer (phr)	huấn luyện viên cá nhân	6	maintain (v)	duy trì

III. PET LISTENING PART 3

Dạng bài	Nghe một đoạn độc thoại dài khoảng 2 phút và điền từ/ số còn thiếu vào 6 khoảng trống.
Cách làm bài	Bước 1: Chuẩn bị trước khi nghe - Đọc tiêu đề để nắm chủ đề chính - Xác định loại từ cần điền Bước 2: Nghe lần 1 - Ghi đúng từ mình nghe được - Chú ý key word và phần đánh vần Bước 3: Nghe lần 2 và kiểm tra lại - Nghe những đáp án chưa nghe được - Soát lỗi chính tả và lỗi ngữ pháp
Mẹo làm bài	1. Trước khi nghe nên đọc kỹ và xác định loại từ 2. Viết CHÍNH XÁC từ nghe được 3. Chú ý bẫy sửa thông tin - Người nói sửa lại thông tin ban đầu với các từ như: However, Actually, Sorry, Instead of, Wait...

B. CLASSWORK

GRAMMAR

I. Circle the correct relative pronoun to complete each sentence.

1. The Amazon Rainforest, (**who** / **whose** / **which**) produces a large portion of the Earth's oxygen, is facing serious environmental threats.
2. Professor Miller, (**whose** / **which** / **who**) research on renewable energy won an international award, will give a lecture tomorrow.
3. The Grand Canyon, (**who** / **which** / **whose**) millions of tourists visit every year, is one of the world's most famous natural wonders.
4. Chef Ramsay, (**which** / **who** / **whose**) the judges praised for his cooking skills, opened a new restaurant last week.
5. Emma, (**whose** / **who** / **which**) primary passion is playing the violin, has been invited to join the national youth orchestra.

II. Find ONE mistake in each sentence and correct it.

1. During the summer camp, the foreign volunteers, which organized the environmental workshops, patiently taught the children how to sort plastic waste properly.

→ _____

2. Singapore, that is widely known for its green architecture, attracts millions of international visitors every year.

→ _____

3. Tomorrow afternoon, the school debate team will meet with Professor Jackson, who insightful books on critical thinking are recommended by our teachers.

→ _____

4. During the annual sports festival, everyone cheered enthusiastically for the fastest runner in our grade, Lucas, who's brother is also an Olympic athlete.

→ _____

5. The interactive robotics kit, which our STEM club borrowed it from the university lab, helped us program an autonomous car successfully.

→ _____

LISTENING PRACTICE

Con truy cập link hoặc quét mã QR để làm bài nghe nhé:

<https://on.soundcloud.com/YR8l6TloM4igAa2wZ8>



For each question, write the correct answer in the gap. Write one or two words or a number or a date or a time. You will hear an announcement at a fitness centre.

Fitness week

Anyone who would like to become healthier and learn new things should (14) _____ for this course.

All new members must have with them trainers, a tracksuit, shorts and T-shirts as well as a(n) (15) _____.

After answering some questions, specific targets will be set according to the members' (16) _____.

Every morning a(n) (17) _____ will keep an eye on new members exercising.

At the end of the week, members will be told about (18) _____ so as not to gain back the weight they've lost.

For the next 48 hours, there's a sale on: you can pay £ (19) _____ for 7 days.

C. HOMEWORK

GRAMMAR (11 questions)

I. Con học thuộc nghĩa của từ, chính phát âm theo từ điển và chép mỗi từ ở phần II. EXTRA VOCABULARY (trang 2) 1 dòng vào vở ghi.

II. Complete each sentence with who, which, or whose.

1. Minh, _____ won the first prize in the school English debate contest, will represent our grade at the national championship.
2. Kyoto, _____ was the ancient capital of Japan for over a thousand years, attracts millions of international visitors every autumn.
3. Mr. Harrison, _____ all the students in our grade deeply respect, is retiring at the end of this school year.
4. The smart robot, _____ our STEM club built last semester, has won the top prize at the youth tech competition.
5. Sarah, _____ project on clean solar energy won an award last week, hopes to become an environmental engineer.

III. Combine each pair of sentences (1–6), using a non-defining relative clause.

1. My arm is better now. I hurt it last week.
→ _____
2. My aunt works at the hospital. You met her.
→ _____
3. We went to the lake in the next valley. We loved it very much.
→ _____
4. Ricky is my best friend. His sister is a nurse.
→ _____
5. Surfing is popular in my country. It's a new Olympic sport.
→ _____
6. The sports centre opened in 2018. Its director is a famous athlete.
→ _____

LISTENING PRACTICE (10 questions)

Lưu ý:

1. Khi làm bài tập có từ mới, các con phải tra từ điển. Sau khi tra từ điển, các con chép mỗi từ mới **1 dòng** để ghi nhớ.
2. Các con gạch chân các từ khoá chính trong bài.

Listen to the announcement again in Part B. Classwork and complete the following exercises.

I. Decide if each statement is True (T) or False (F).

1. The fitness course officially begins on a Monday. → _____
2. The gym and swimming pool equipment is already provided by the centre. → _____
3. In the afternoon, participants relax in the spa before doing pool exercises. → _____
4. On the final day, members will have their weight checked again to evaluate their overall progress. → _____
5. The instructor promises that the training programme will be very light and easy for everyone. → _____

II. For each question, write the correct answer in the gap. Write one or two words or a number or a date or a time.

FITNESS WEEK – COURSE INFORMATION

- The special fitness week officially starts on a (1) _____.
- On the first day, each person will be weighed and complete a quick (2) _____.
- Before starting the afternoon pool sessions, members will have a (3) _____.
- After exercising in the swimming pool, members can enjoy some relaxation in the (4) _____.
- Members who book their place within the next two days will receive a (5) _____ discount.